

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC SXKD NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Tình hình các cảng biển Việt Nam nhìn chung hoạt động tốt, điểm sáng là các khu vực cửa ngõ quốc tế và cảng loại I. Tuy nhiên, dưới sự ảnh hưởng suy giảm về nhu cầu thị trường của một số hàng hóa, tình hình thời tiết và sự cạnh tranh chia sẻ thị trường, sản lượng thông qua Cảng Chân Mây giảm 7,8% so với cùng kỳ năm 2024 (đặc biệt hàng than, quặng không đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch).

Công ty cổ phần Cảng Chân Mây đã thực hiện tốt các giải pháp tăng năng lực xếp dỡ, sắp xếp hợp lý các nguồn lực đảm bảo triển khai dịch vụ an toàn, liên tục 24/7, đảm bảo tiến độ và các điều khoản hợp đồng đã ký kết với khách hàng. Tất cả người lao động của Công ty đều có việc làm với thu nhập ổn định, được giải quyết các chế độ đầy đủ, kịp thời. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch 2025 | Thực hiện năm 2025 | So sánh % | |
|----------|--|----------------|--------------------|----------------|--------------------|-----------|--------|
| | | | 1 | 2 | 3 | 3/1 | 3/2 |
| 1 | Sản lượng bốc xếp | | | | | | |
| | + Hàng rời, DV liên quan | Tấn | 5.394.231 | 5.600.000 | 4.971.281 | 92,2% | 88,8% |
| | + Hàng container | TEU | 8.395 | 11.080 | 11.347 | 135,2% | 102,4% |
| 2 | Tổng lượt tàu | Lượt | 701 | - | 636 | 90,7% | - |
| | Lượt tàu hàng | Lượt | 595 | - | 531 | 89,2% | - |
| | Lượt tàu container | Lượt | 66 | - | 59 | 89,4% | - |
| | Lượt tàu du lịch | Lượt | 40 | - | 46 | 115,0% | - |
| 3 | Du khách/thuyền viên | Người | 90.960 | - | 130.494 | 143,5% | - |
| 4 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | Tr.đồng | 384.742 | 386.200 | 329.113 | 85,5% | 85,2% |
| 4.1 | Doanh thu từ sxkd | Tr.đồng | 383.208 | 385.000 | 326.868 | 85,3% | 84,9% |

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch 2025 | Thực hiện năm 2025 | So sánh % | |
|----------|---------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------|--------------------|-----------|--------|
| | | | | | | 3/1 | 3/2 |
| | | | 1 | 2 | 3 | | |
| | +Doanh thu hàng rời, hàng khác | Tr.đồng | 223.620 | 218.900 | 210.907 | 94,3% | 96,3% |
| | +Doanh thu hàng container | Tr.đồng | 11.289 | 21.000 | 15.238 | 135,0% | 72,6% |
| | +Doanh thu tàu du lịch | Tr.đồng | 19.876 | 16.318 | 29.400 | 147,9% | 180,2% |
| | +Doanh thu các dịch vụ khác | | 128.423 | 128.782 | 71.323 | 55,5% | 56,2% |
| 4.2 | Doanh thu tài chính | Tr.đồng | 1.533 | 1.200 | 1.931 | 126,0% | 160,9% |
| 4.3 | Thu nhập khác | Tr.đồng | 1 | 0 | 314 | 31400% | - |
| 5 | Tổng chi phí | Tr.đồng | 353.280 | 360.849 | 299.366 | 84,7% | 83% |
| 5.1 | Chi phí từ HĐ thương mại, dịch vụ,... | Tr.đồng | 293.151 | 299.973 | 229.131 | 78,2% | 76,4% |
| 5.2 | Chi phí QL kinh doanh | Tr.đồng | 45.930 | 49.850 | 57.194 | 124,5% | 114,7% |
| 5.3 | Chi phí tài chính | Tr.đồng | 14.099 | 11.026 | 12.466 | 88,4% | 113,1% |
| 5.4 | Chi phí khác | Tr.đồng | 100 | 0 | 575 | 575% | - |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 28.491 | 25.351 | 29.747 | 104,4% | 117,3% |
| 7 | Nộp NSNN | Tr.đồng | 3.863 | 8.360 | 14.356 | 371,6% | 171,7% |
| 8 | Thu nhập bình quân | Tr.đ/ng/tháng | 17,08 | 14,243 | 18,47 | 108,1% | 129,7% |
| 9 | Tổng số lao động | Người | 337 | 347 | 347 | 103,0% | 100,0% |

*** Về sản lượng khai thác Cảng**

- Sản lượng hàng hóa (hàng rời và hàng khác) thông qua Cảng đạt 4.971.281 tấn, giảm 7,8% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 88,8% kế hoạch năm 2025. Sản lượng container đạt 11.347 TEUs, tăng 35,2% so với cùng kỳ.

- Tổng số lượt tàu ra vào cảng đạt 636 lượt tàu, so với cùng kỳ năm 2024 giảm 10,8%. Trong đó, tàu hàng đạt 531 lượt, tàu container đạt 59 lượt và tàu du lịch đạt 46 lượt. Tổng số hành khách và thuyền viên qua Cảng đạt 130.494 lượt, tăng 43,5% so với năm 2024.

*** Về kết quả tài chính**

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt 329.113 triệu đồng, giảm 14,5% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 85,2% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 29.747 triệu đồng, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2024 và vượt 17,3% kế hoạch năm 2025. Lợi nhuận sau thuế đạt 23.817

triệu đồng, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2024 (Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng gần 3.000 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2024). Chỉ số ROA đạt 3,46%, ROE đạt 6,32%.

- Nộp ngân sách đạt 14.356 triệu đồng, đạt 171,7% kế hoạch, tăng 271,6% so với cùng kỳ năm 2024 (3.863 triệu đồng).

Mặc dù tổng doanh thu giảm 14,5% so với năm 2024 và chỉ đạt 85,2% kế hoạch năm 2025 nhưng lợi nhuận trước thuế năm 2025 tăng 4,4% so với năm 2024 và vượt kế hoạch 17,3%. Nguyên nhân là do doanh thu giảm mạnh nhưng tập trung vào các dịch vụ có tỷ suất lợi nhuận thấp như kinh doanh xăng dầu, dịch vụ gia tăng tại bãi. Hai dịch vụ nói trên gây sụt giảm 60 tỷ đồng so với kế hoạch nhưng hầu như ảnh hưởng rất nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của toàn Công ty. Song song với đó, việc tích cực thực hiện các giải pháp tài chính đã giúp Công ty thực hiện kinh doanh hiệu quả trong năm 2025.

** Các yếu tố đã ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong năm 2025:*

+ Tình hình tiêu thụ than tại các nhà máy Nhiệt điện gặp nhiều khó khăn (EVN giảm công suất huy động của các Nhà máy), đơn giá than nhập từ Lào cao khiến hoạt động xuất nhập than qua Cảng Chân Mây sụt giảm mạnh.

+ Đối với hàng quặng bô xít, vấn đề giá cả tăng cao và khó khăn trong quá trình vận tải là nguyên nhân khách quan khiến mặt hàng này có xu hướng giảm nhịp độ xuất nhập qua Cảng Chân Mây.

+ Thời tiết cuối năm diễn biến phức tạp với nhiều đợt gió mùa, mưa bão đã ảnh hưởng lớn đến năng suất và sản lượng bốc xếp hàng hóa.

+ Công trình nạo vét khu nước Bến 1 chưa được thi công do vướng thủ tục đánh giá tác động môi trường (ĐTM) nên giới hạn cỡ tàu tiếp nhận, tiếp tục ảnh hưởng hiệu quả khai thác tàu dầm gỗ cập Cảng.

+ Mặc dù Công ty đã tích cực triển khai các giải pháp nhưng việc đảm bảo môi trường trong điều kiện tiếp nhận các loại hàng rời hiện có là hết sức khó khăn. Các yêu cầu đảm bảo môi trường khiến Cảng và khách hàng gặp khó khăn trong việc thực thi đồng thời phát sinh nhiều chi phí.

CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH BẾN 1 VÀ BẾN 2

| TT | Kết quả kinh doanh năm 2025 | ĐVT | Tổng 2 bến | Bến số 1 | Bến số 2 |
|------------|-------------------------------|---------|------------------|------------------|------------------|
| I. | Sản lượng | | | | |
| 1. | Hàng rời | Tấn | 4.971.281 | 3.029.703 | 1.941.578 |
| 2. | Hàng container | TEUs | 11.357 | 2.575 | 8.782 |
| II. | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 329.113 | 248.773 | 80.340 |
| 1. | Doanh thu hàng rời, hàng khác | Tr.đồng | 210.907 | 142.446 | 68.461 |

| TT | Kết quả kinh doanh năm 2025 | ĐVT | Tổng 2 bến | Bến số 1 | Bến số 2 |
|-------------|-----------------------------|---------|----------------|---------------|----------------|
| 2. | Doanh thu tàu container | Tr.đồng | 15.238 | 3.359 | 11.879 |
| 3. | Doanh thu tàu du lịch | Tr.đồng | 29.400 | 29.400 | 0 |
| 4. | Doanh thu dịch vụ khác | Tr.đồng | 71.323 | 71.323 | 0 |
| 5. | Doanh thu tài chính | Tr.đồng | 1.931 | 1.931 | 0 |
| 6. | Thu nhập khác | Tr.đồng | 314 | 314 | 0 |
| III. | Tổng chi phí | Tr.đồng | 299.366 | 211.362 | 88.004 |
| 1. | Chi phí hoạt động sxkd | Tr.đồng | 229.131 | 166.971 | 62.160 |
| 2. | Chi phí QLDN | Tr.đồng | 57.194 | 43.813 | 13.381 |
| 3. | Chi phí tài chính (lãi vay) | Tr.đồng | 12.466 | 3 | 12.463 |
| 4. | Chi phí khác | Tr.đồng | 575 | 575 | 0 |
| IV. | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 29.747 | 37.411 | (7.664) |
| V. | Lợi nhuận sau thuế | | 23.817 | 31.481 | (7.664) |

Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh từng Bến cho thấy hàng hóa giữa 2 bến có sự chuyển dịch. Năm 2024, tỷ trọng hàng rời tại Bến 2 đạt 36,6% và nâng lên thành 39,1% vào năm 2025. Tàu container có thể cập và làm hàng tại cả Bến số 1 và Bến số 2 lần lượt theo tỷ lệ 22,7% và 77,3% trong năm qua. Đặc biệt, năm 2025 Bến số 2 được khai thác hiệu quả hơn, tỷ lệ chi phí giảm đều giúp cho chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế của Bến này đạt âm 7.664 triệu đồng, giảm lỗ so với năm 2024 gần 13 tỷ đồng.

2. Tình hình xúc tiến thị trường

Đánh giá được tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty cũng đã luôn tích cực bám sát khách hàng để nắm tình hình hàng hóa, thị trường, hỗ trợ, tháo gỡ các vấn đề trong quá trình xuất nhập hàng qua Cảng. Tìm hiểu, khảo sát hoạt động của các đơn vị cạnh tranh nhằm đưa ra các giải pháp cải thiện kịp thời về chất lượng dịch vụ, giá cả và các vấn đề phát sinh. Đồng thời, siết chặt mối quan hệ với các khách hàng truyền thống, duy trì hợp tác kinh doanh hài hòa lợi ích giữa hai bên, đảm bảo giữ vững nhóm khách hàng này.

Công ty tích cực trao đổi thông tin với tất cả các khách hàng, đối tác có nhu cầu tìm hiểu tiềm năng hợp tác, xuất nhập hàng hóa qua Cảng. Hợp tác kinh doanh cùng Công ty Phú Thái và Công ty Vinalift giành quyền ưu tiên sử dụng hệ thống kho bãi do 2 đơn vị này đầu tư tại khu vực Chân Mây nhằm tăng khả năng cung cấp kho bãi cho khách hàng mới. Đồng thời tiến hành tận dụng 1 phần bãi container lưu chứa hàng rời tránh tình trạng bãi trống gây lãng phí.

Công ty đã tổ chức khảo sát thị trường hàng hóa miền Trung để nắm bắt xu hướng thị trường và tình hình đối thủ cạnh tranh nhằm đưa ra các quyết sách nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh, thu hút nguồn hàng mới.

Về hàng container, Công ty triển khai công tác khảo sát thị trường, làm việc với hơn 20 doanh nghiệp có hàng xuất bằng container, kết nối xúc tiến mở tuyến tại Chân Mây với các hãng tàu SITC, Mearsk Line, YangMing, VietSun và Pacific Line. Công ty hiện tiếp tục hợp tác xếp dỡ cho 02 hãng tàu quốc tế là (RCL, Voyager Logistics) và 02 hãng tàu nội địa (Thilogi, Gemadept). Công ty đã không ngừng nỗ lực, thúc đẩy xúc tiến hãng tàu, áp dụng các chính sách ưu đãi, tạo điều kiện tối đa cho các chủ hàng. Tuy nhiên, năng lực xếp dỡ container hiện vẫn còn thấp do hạ tầng thiết bị hạn chế dẫn đến tỷ lệ tăng trưởng chưa cao như kỳ vọng.

3. Kết quả thực hiện các công tác khác

3.1. Về thực hiện chế độ cho người lao động

Tổng số lao động trong năm 2025 là 347, trong đó có 62 lao động nữ; lao động trực tiếp 259 người, lao động gián tiếp & phụ trợ 43 người, lao động quản lý cấp trung 45 người. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 18,47 triệu đồng/người/tháng;

Công ty đã thực hiện đóng đầy đủ các khoản BHXH, BHYT và BHTN cho 351 CB-CNV (kể cả viên chức quản lý) với tổng số tiền 9.878 triệu đồng; tổ chức mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn thể CB-CNV. Đồng thời, hoàn tất thủ tục và thanh toán các chế độ cho người lao động đúng quy định.

Về công tác đào tạo và huấn luyện, Công ty đã tổ chức cho 145 lượt lao động tham gia các khóa đào tạo và huấn luyện (trong đó có 33 lượt công nhân vận hành cầu cần trục) với tổng kinh phí 240 triệu đồng.

3.2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng

Năm 2025, Công ty đã và đang triển khai, thực hiện đầu tư một số dự án theo đúng quy trình, quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

a. Tình hình thực hiện đầu tư

Kế hoạch đầu tư năm 2025 gồm có 8 hạng mục chuyển tiếp từ các năm trước và 5 hạng mục đầu tư mới năm 2025. Trong quá trình triển khai các hạng mục đầu tư, đơn vị luôn nỗ lực khắc phục mọi khó khăn để dự án đảm bảo đúng tiến độ đề ra. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án nên thực hiện năm 2025 chỉ đạt 12,17% kế hoạch được giao (14.946/122.800 triệu đồng). Trong đó có 4 hạng mục chuyển tiếp xin được tạm dừng thực hiện trong năm 2025 gồm có:

+ Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (bến 120m);

1101 2-1-C 17-11

- + Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây;
- + Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 - Cảng Chân Mây;
- + Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch để tiếp tục hoàn thiện thủ tục.

Các hạng mục chậm triển khai do vướng mắc về thủ tục. Hạng mục tác động nhiều nhất trong kế hoạch 2025 là Dự án ĐTXD Bến số 2 - Cảng Chân Mây (giai đoạn hoàn thiện). Nguyên nhân là do quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn trong việc tháo gỡ vướng mắc thủ tục đầu tư như Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, Thủ tục giao khu vực biển; thủ tục ĐTM của Bến số 2....mất nhiều thời gian lấy ý kiến các sở, ban, ngành có liên quan. Bên cạnh đó, do công tác đầu tư gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh nên mặc dù kế hoạch tiến độ đã được lập nhưng việc thực hiện chưa được kịp thời vì cần thêm thời gian để trao đổi, thảo luận với khách hàng, các cấp chính quyền để đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Các hạng mục còn lại cơ bản hoàn thành và tác động không lớn đến kế hoạch đầu tư.

b. Tình hình giải ngân dự án

- + Các dự án theo Kế hoạch đầu tư 2025

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa) | Dự án/ BCKT-KT đầu tư xây dựng được phê duyệt | Kế hoạch năm 2025 được duyệt | | Thực hiện năm 2025 | | Ghi chú |
|---------------------|---|--|------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|---------|
| | | Tổng mức đầu tư | Giá trị thực hiện | Giá trị giải ngân | Giá trị thực hiện | Giá trị giải ngân | |
| Tổng cộng(A+B+C+D) | | 909.272 | 122.800 | 124.624 | 14.946 | 18.717 | |
| A | Các dự án nhóm A | | | | | | |
| B | Các dự án nhóm B | 848.061 | 70.000 | 70.000 | 12 | 676 | |
| B1 | Dự án chuyển tiếp | 848.061 | 70.000 | 70.000 | 12 | 676 | |
| B1.1 | Đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây | 848.061 | | | | | |
| | Giai đoạn 1 | 384.270 | | | | | |
| | Giai đoạn hoàn thiện | 463.790 | 70.000 | 70.000 | 12 | 676 | |
| C | Dự án nhóm C | - | - | - | - | - | |
| D | Các báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng | 61.212 | 52.800 | 54.624 | 14.934 | 18.040 | |

h

| STT | Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa) | Dự án/ BCKT-KT đầu tư xây dựng được phê duyệt | Kế hoạch năm 2025 được duyệt | | Thực hiện năm 2025 | | Ghi chú |
|-----------|---|---|------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|------------|
| | | Tổng mức đầu tư | Giá trị thực hiện | Giá trị giải ngân | Giá trị thực hiện | Giá trị giải ngân | |
| D1 | Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng chuyển tiếp | 30.512 | 22.100 | 23.924 | 4.410 | 4.410 | |
| D1.1 | Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (bến 120m) | 4.160 | 3.826 | 3.826 | - | - | Tạm dừng |
| D1.2 | Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây | 8.640 | 8.640 | 8.640 | - | - | Tạm dừng |
| D1.3 | Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu 200.000DWT tại Vịnh Chân Mây | 3.500 | - | - | - | - | |
| D1.4 | Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1 - Cảng Chân Mây | 4.112 | 1.234 | 2.878 | 3.725 | 3.725 | |
| D1.5 | Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 Cảng Chân Mây | 6.200 | 4.650 | 4.650 | - | - | Tạm dừng |
| D1.6 | Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch | | 300 | 300 | - | - | tạm dừng |
| D1.7 | Cải tạo nâng cấp hệ thống tang cáp điện đầu cần cầu Gottwald HMK 170E | 900 | 450 | 630 | 670 | 670 | hoàn thành |
| D1.8 | Mua sắm đệm tựa tàu | 3.000 | 3.000 | 3.000 | 15 | 15 | hoàn thành |
| D2 | Báo cáo kinh tế - kỹ thuật năm 2025 | 30.700 | 30.700 | 30.700 | 10.524 | 13.630 | - |
| D2.1 | Nâng cấp hệ thống PCCC Bến số 1 - Cảng Chân Mây | 5.000 | 5.000 | 5.000 | 249 | 249 | |
| D2.2 | Sửa chữa bảo trì Bến số 1 năm 2025 | 20.000 | 20.000 | 20.000 | 9.097 | 11.783 | |
| D2.3 | Xây dựng trạm biến áp Bến số 1 phục vụ sản xuất kinh doanh | 3.300 | 3.300 | 3.300 | 181 | 181 | |

| STT | Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa) | Dự án/BCKT-KT đầu tư xây dựng được phê duyệt | Kế hoạch năm 2025 được duyệt | | Thực hiện năm 2025 | | Ghi chú |
|------|--|--|------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|---------|
| | | Tổng mức đầu tư | Giá trị thực hiện | Giá trị giải ngân | Giá trị thực hiện | Giá trị giải ngân | |
| D2.4 | Kiểm định định kỳ, đánh giá an toàn kết cấu hạ tầng cảng biển Bến số 1 - Cảng Chân Mây | 1.000 | 1.000 | 1.000 | 997 | 997 | |
| D2.5 | Mua sắm xe hút bụi (xe quét đường) | 1.400 | 1.400 | 1.400 | - | 420 | |

+ Giải ngân các hạng mục khác phục vụ SXKD

ĐVT: triệu đồng

| TT | Tên hạng mục | QĐ phê duyệt chủ trương | Tổng giá trị dự toán | Nguồn vốn | Thực hiện | Giải ngân | Ghi chú |
|----|--|---|----------------------|-----------|-----------|-----------|---------------|
| 1 | Lắp đặt thiết bị quan trắc điều kiện khai thác tàu ra vào Bến số 1 – Cảng Chân Mây | Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT ngày 19/7/2024 | 480 | Vốn tự có | 470 | 470 | đã hoàn thành |
| 2 | Sửa chữa nhà kho 1980m ² | Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 13/3/2025 | 477 | Vốn tự có | 450 | 450 | đã hoàn thành |
| 3 | Sửa chữa bê tông phủ mặt cầu Bến số 1 – Cảng Chân Mây | Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 05/6/2025 | 498 | Vốn tự có | 437,46 | 437,46 | đã hoàn thành |
| 4 | Sửa chữa bê tông phủ mặt cầu Bến số 1 – Cảng Chân Mây (phần đoạn V) | Nghị quyết số 56/NQ-HĐQT ngày 05/9/2025 | 447,5 | Vốn tự có | 395,86 | 395,86 | đã hoàn thành |

3.3. Công tác tài chính, tổ chức hành chính

Về công tác thường xuyên hàng năm, Công ty hoàn tất đầy đủ, đúng qui định các công tác kiểm kê tài sản, Báo cáo kế toán quản trị năm, Báo cáo tài chính Quý I, Quý II, Quý III và Quý IV... Công ty chú trọng công tác theo dõi, thu hồi công nợ đối với khách hàng nợ quá hạn, đảm bảo dòng tiền.

Về công tác tổ chức hành chính, Công ty hoàn thành hồ sơ và tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2025 ngày 21/1/2025, hồ sơ Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025-2030 tổ chức ngày 7/5/2025, hồ sơ Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 30/6/2025, Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày

31/10/2025, Đại hội Công đoàn và hoàn thành hồ sơ An ninh cảng biển hàng năm. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV,...

Công tác bảo đảm an ninh trật tự tại Cảng được triển khai đồng bộ và hiệu quả, góp phần tạo môi trường làm việc an toàn, ổn định cho các hoạt động tại Cảng. Công tác kiểm soát tải trọng tại Cảng Chân Mây trong năm 2025 được thực hiện tốt, đảm bảo kiểm soát 100% phương tiện làm hàng tại Cảng. Không có trường hợp nào vi phạm tải trọng trong phạm vi khu vực cảng

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Với mục tiêu nâng cao tính cạnh tranh trong ngành cảng biển; tiếp tục phát triển dịch vụ xếp dỡ container; Nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ xếp dỡ; Đảm bảo việc làm, thu nhập cho lao động hiện có, giải quyết kịp thời các chế độ cho người lao động, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xây dựng kế hoạch năm 2026 các chỉ tiêu như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2026 | Bến số 1 | Bến số 2 |
|-----|---------------------------------|---------------|---------------|-----------|-----------|
| 1 | Sản lượng hàng | | | | |
| 1.1 | Hàng rời | tấn | 5.200.000 | 3.136.200 | 2.063.800 |
| 1.2 | Hàng container | TEUs | 12.500 | 3.330 | 9.170 |
| 2 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | Tr.đồng | 351.000 | 288.648 | 62.352 |
| 4 | Tổng chi phí | Tr.đồng | 320.962 | 244.097 | 76.865 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 30.038 | 44.551 | (14.513) |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 24.030 | 38.543 | (14.513) |
| 7 | Nộp ngân sách | Tr.đồng | 10.000 | | |
| 8 | Lương bình quân | Tr.đ/ng/tháng | 15,982 | | |
| 9 | Tổng số lao động | Người | 347 | | |

1.1. Kế hoạch sản lượng

Kế hoạch khai thác các mặt hàng rời năm 2026 dự kiến đạt 5.2 triệu tấn, tăng trưởng 4,6% sản lượng so với thực hiện năm 2025. Sản lượng hàng hóa năm 2026 được cân đối và khai thác hợp lý ở mức 5,2 triệu tấn trong tình hình tàu khách tăng mạnh và khả năng ảnh hưởng của thời tiết. Dịch vụ container dự kiến xếp dỡ 12.500 TEUs, trong đó khai thác 04 hãng tàu ngoại, trung bình tiếp nhận xếp dỡ 08 lượt tàu/tháng.

1.2. Kế hoạch doanh thu

| | |
|------------------------------------|-------------------------------|
| - Tổng doanh thu: | 351.000 triệu đồng; Trong đó: |
| + Doanh thu hàng rời và hàng khác: | 221.015 triệu đồng; |
| + Doanh thu tàu du lịch: | 31.662 triệu đồng; |
| + Doanh thu tàu container: | 17.008 triệu đồng; |
| + Doanh thu dịch vụ khác: | 80.315 triệu đồng; |
| + Doanh thu tài chính: | 1.000 triệu đồng. |

1.3 Chỉ tiêu lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận

| | |
|--|--------------------|
| + Lợi nhuận trước thuế: | 30.038 triệu đồng; |
| + Lợi nhuận sau thuế: | 24.030 triệu đồng; |
| + Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): | 3,45%; |
| + Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): | 7,42%; |

1.4 Chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước

Tổng số tiền nộp ngân sách kế hoạch là 10.000 triệu đồng, trong đó:

| | |
|------------------------------------|-------------------|
| + Thuế Thu nhập doanh nghiệp: | 5.300 triệu đồng; |
| + Thuế Giá trị gia tăng: | 3.500 triệu đồng; |
| + Thuế TN cá nhân, các khoản khác: | 1.200 triệu đồng. |

2. Kế hoạch đầu tư

Nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Kế hoạch đầu tư cần thiết triển khai các dự án như sau:

DVT: Triệu đồng

| Stt | Dự án | Kế hoạch năm 2026 | | Nguồn vốn |
|----------|---|-------------------|----------------|------------------------------------|
| | | Thực hiện | Giải ngân | |
| | Tổng cộng (I+II) | 142.080 | 141.674 | |
| I | Dự án/BCKTKT chuyển tiếp | 139.850 | 136.474 | |
| 1 | Đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây (giai đoạn hoàn thiện) | 119.407 | 119.407 | Vốn tự có và vốn huy động hợp pháp |
| 2 | Nâng cấp hệ thống PCCC Bến số 1 - Cảng Chân Mây | 4.751 | 4.751 | Vốn tự có |
| 3 | Sửa chữa bảo trì Bến số 1 năm 2025 | 10.903 | 8.217 | Vốn tự có, vốn từ hoạt động SXKD |
| 4 | Xây dựng trạm biến áp Bến số 1 phục vụ sản xuất kinh doanh | 3.119 | 3.119 | Vốn tự có |
| 5 | Mua sắm xe hút bụi | 1.400 | 980 | Vốn tự có |

| Stt | Dự án | Kế hoạch năm 2026 | | Nguồn vốn |
|-----------|--|-------------------|--------------|------------------------------------|
| | | Thực hiện | Giải ngân | |
| II | Dự án/BCKTKT mới năm 2026 | 2.500 | 5.200 | |
| 1 | Xây dựng 01 Nhà kho 5000m ² | 2.000 | 2.000 | Vốn tự có và vốn huy động hợp pháp |
| 2 | Mở rộng bãi Bến số 1 tiếp giáp khu KT1 | 500 | 3.200 | Vốn tự có và vốn huy động hợp pháp |

3. Các giải pháp hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026

Để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- *Về giải pháp xúc tiến thị trường:* Tiếp tục công tác nghiên cứu thị trường, nghiên cứu đối thủ để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh. Kết hợp với chiến lược truyền thông, quảng bá để thu hút khách hàng tiềm năng. Tăng cường liên doanh, liên kết để đẩy mạnh hệ thống logistics tại đây.

- *Về giải pháp tài chính:* Công ty chú trọng duy trì khai thác tốt các dịch vụ, mặt hàng có hiệu quả kinh tế cao, tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu lớn. Tăng cường hiệu quả công tác quản lý tài chính, quản lý công nợ. Tiết giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý.

- *Về giải pháp quản trị điều hành sản xuất:* Tập trung cải tiến cả về Công nghệ xếp dỡ và Công nghệ quản lý, điều hành đảm bảo tăng năng suất xếp dỡ trong điều kiện cầu bến đã gần đạt công suất tối đa. Tận dụng việc khai thác 2 bến giúp giảm thời gian chờ đợi và thiệt hại kinh tế cho chủ hàng, chủ tàu. Nghiên cứu phương án cải tiến trang thiết bị làm hàng container nhằm giải phóng tàu container đúng và vượt tiến độ.

- *Giải pháp về đầu tư:* Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư về cơ sở vật chất hạ tầng, nâng cấp thành công Bến số 2 tiếp nhận tàu 70.000DWT.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây kính báo cáo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT.HC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Toàn

BÁO CÁO

**Công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát của Hội đồng Quản trị năm 2025
và kế hoạch hoạt động năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
NĂM 2025**

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động. Thời tiết mưa lũ miền Trung diễn biến phức tạp. Thị trường cảng biển tiếp tục cạnh tranh gay gắt và áp lực về giá cả dịch vụ cảng biển có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành linh hoạt của Ban Tổng giám đốc, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm, Công ty tập trung nâng cao hiệu quả khai thác cầu bến, cải tiến quy trình khai thác, tăng cường công tác thị trường, mở rộng quan hệ hợp tác với các hãng tàu và khách hàng logistics, đồng thời chú trọng tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 đạt được như sau:

1. Về sản lượng khai thác Cảng

- Sản lượng hàng hóa (hàng rời và hàng khác) thông qua Cảng: 4.971.281 tấn, đạt 88,8% kế hoạch năm 2025.
- Sản lượng container đạt 11.357 TEUs đạt 102,5% kế hoạch năm 2025.
- Tổng số hành khách và thuyền viên qua Cảng đạt 130.494 lượt.

2. Về kết quả tài chính

- Tổng doanh thu năm 2025: 328.800 triệu đồng đạt 85,1% kế hoạch năm 2025.
- Lợi nhuận trước thuế: 29.747 triệu đồng, vượt 17,3% kế hoạch năm 2025 (25.351 triệu đồng).
- Lợi nhuận sau thuế: 23.817 triệu đồng đạt 117,4% kế hoạch năm 2025.
- Nộp ngân sách: 14.356 triệu đồng, đạt 171,7% kế hoạch năm 2025 (8.360 triệu đồng).
- Chỉ số ROA đạt 3,46%;
- Chỉ số ROE đạt 6,32%.

3. Kết quả thực hiện nội dung tại nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Trong năm 2025, Công ty thực hiện 5 hạng mục đầu tư mới bao gồm: Nâng cấp hệ thống PCCC Bến số 1 - Cảng Chân Mây; Sửa chữa bảo trì Bến số 1 năm 2025; Xây dựng trạm biến áp Bến số 1 phục vụ sản xuất kinh doanh; Kiểm định định kỳ, đánh giá an toàn kết cấu hạ tầng cảng biển Bến số 1 – Cảng Chân Mây (đã hoàn thành); Mua sắm xe hút bụi (đã hoàn thành).

Sau khi xem xét các thủ tục đầu tư và tình hình thực tế; Công ty đã thực hiện dừng 4 hạng mục gồm: nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (bến 120m); Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây; Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 - Cảng Chân Mây; Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch.

Trong quá trình triển khai các hạng mục đầu tư, đơn vị luôn nỗ lực khắc phục mọi khó khăn để dự án đảm bảo đúng tiến độ đề ra. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án nên thực hiện năm 2025 chỉ đạt 12,17% kế hoạch được giao (14.946/122.800 triệu đồng). Các hạng mục chậm triển khai do vướng mắc về thủ tục. Hạng mục tác động nhiều nhất trong kế hoạch đầu tư năm 2025 là Dự án ĐTXD Bến số 2 - Cảng Chân Mây (giai đoạn hoàn thiện). Kế hoạch thực hiện năm 2025 là 70.000 triệu đồng nhưng kết quả thực hiện năm 2025 là 12 triệu đồng, đạt 0,02% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn do vướng mắc các thủ tục đầu tư như Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, Thủ tục giao khu vực biển; thủ tục ĐTM của Bến số 2....mất nhiều thời gian lấy ý kiến các sở, ban, ngành có liên quan.

4. Về phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và một số công tác khác

Trong năm 2025, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây đã tiến hành thanh toán cổ tức theo đúng quy định. Việc trính lập các quỹ thực hiện đúng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết số 47/NQ-HĐQT ngày 10/7/2025 và lựa chọn đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt để thực hiện kiểm toán cho các báo cáo tài chính năm 2025. Công ty đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính theo quy định.

5. Về công tác quản trị công ty

Công ty đã tổ chức kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất - năm 2025 vào ngày 31/10/2025 cụ thể như sau:

D.N. C
CÁI
N.N.

- Hội đồng quản trị hiện nay gồm 03 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm: 01 Chủ tịch hội đồng quản trị, 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – người đại diện theo pháp luật, 01 thành viên HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc:

1. Ông Nguyễn Tiến Đạt - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty.
2. Ông Huỳnh Văn Toàn - Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Ông Lê Chí Phai - Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Ban kiểm soát Công ty hiện nay gồm 03 thành viên. Trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên, cụ thể như sau:

- + Ông Phan Tuấn Anh - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.
- + Ông Nguyễn Công Định - Thành viên Ban kiểm soát.
- + Ông Đoàn Quang Vũ - Thành viên Ban kiểm soát.

Trong năm qua, các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng giám đốc về việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT; tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng chuyên môn công ty, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng chính sách giá, chiến lược sản xuất kinh doanh, kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...; theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng giám đốc gửi đến HĐQT; trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban Tổng giám đốc trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp định kỳ và không định kỳ trong năm 2025, tổ chức lấy ý kiến 36 biên bản, ban hành 52 Nghị quyết, 23 Quyết định, 16 Tờ trình và 9 các loại văn bản khác.

Hội đồng quản trị đã ban hành và điều chỉnh một số văn bản như Quy chế về công tác Thi đua, khen thưởng công ty cổ phần Cảng Chân Mây, Quy chế tuyển dụng và đào tạo công ty cổ phần Cảng Chân Mây, Quy chế về quản lý cán bộ của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây. Thực hiện việc phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cảng Chân Mây và xây dựng kế hoạch hoạt động 02 tháng cuối năm 2025 và kế hoạch hoạt động của năm 2026.

HĐQT đã thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thực hiện đúng theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và các quy định của Pháp luật liên quan.

6. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của Pháp luật. Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát quản lý tài chính, đầu tư và quản lý vốn; bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và kịp thời xem xét để xử lý các phát sinh ngoài kế hoạch cũng như quyết định những nội dung vượt phân cấp của Ban Tổng giám đốc. Qua đó, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để tăng cường kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

7. Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị

Việc chi trả tiền lương của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc: Áp dụng theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Trên cơ sở mục tiêu và định hướng của Công ty; Hội đồng quản trị Công ty triển khai một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Mục tiêu sản xuất kinh doanh

1.1. Kế hoạch doanh thu

| | |
|------------------------------------|-------------------------------|
| - Tổng doanh thu: | 351.000 triệu đồng; Trong đó: |
| + Doanh thu hàng rời và hàng khác: | 221.015 triệu đồng; |
| + Doanh thu tàu du lịch: | 31.662 triệu đồng; |
| + Doanh thu tàu container: | 17.008 triệu đồng; |
| + Doanh thu dịch vụ khác: | 80.315 triệu đồng; |
| + Doanh thu tài chính: | 1.000 triệu đồng; |

1.2. Chỉ tiêu lợi nhuận

| | |
|---|--------------------|
| - Tổng lợi nhuận trong năm 2026 của Công ty | |
| + Lợi nhuận trước thuế: | 30.038 triệu đồng; |

- + Lợi nhuận sau thuế: 24.030 triệu đồng;
- (Chi phí thuế TNDN hiện hành: 5.964 triệu đồng)

1.3. Chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước

Tổng số tiền nộp ngân sách kế hoạch là 10.000 triệu đồng, trong đó:

- + Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 5.300 triệu đồng;
- + Thuế Giá trị gia tăng: 3.500 triệu đồng;
- + Thuế TN cá nhân, các khoản khác: 1.200 triệu đồng.

1.4. Tỷ suất lợi nhuận

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): 3,45%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): 7,42%

2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp tăng năng suất xếp dỡ hàng rời, hàng container, các giải pháp liên quan hoạt động dịch vụ logistics nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật công nghệ; chú trọng các loại hàng hóa tại thị trường Lào đưa hàng qua Cảng Chân Mây; thực hiện việc quảng bá khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có tải trọng đến 200.000DWT tại Vịnh Chân Mây để thu hút các tàu hàng có trọng tải lớn thực hiện tác nghiệp tại khu neo.

- Đôn đốc và triển khai giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt theo đúng quy định pháp luật; tổ chức đánh giá các dự án đang triển khai những năm trước để đề ra các giải pháp tháo gỡ các khó khăn (nếu có); chú trọng công tác triển khai các thủ tục đầu tư Bến số 02 - Giai đoạn hoàn thiện nhằm đảm bảo thời gian theo Giấy chứng nhận đầu tư đã phê duyệt.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro; đảm bảo hiệu quả định mức đang ban hành. Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Công ty đáp ứng đúng yêu cầu của pháp luật hiện hành. Thực hiện tiết giảm chi phí thông qua cải tiến, ứng dụng các phần mềm quản lý doanh nghiệp để đạt hiệu quả khai thác cảng.

- Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ; chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai và thực hiện có hiệu quả công tác kế hoạch sản xuất năm 2026 đã đề ra.

- Thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Nâng cao chất lượng Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị Công ty nhằm minh bạch trong quá trình quản trị điều hành hoạt động của Công ty.

71-C
Y
N
M
C

hu

Trên đây là Báo cáo công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát của Hội đồng Quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Đạt





BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Số: 01/2026/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây, được lập ngày 14/02/2026, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Huỳnh Minh Hưng - Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3402-2025-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Quốc Bảo - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5199-2026-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

DVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 171.118.538.289 | 148.190.945.247 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 95.111.153.710 | 67.275.325.755 |
| 111 | 1. Tiền | | 28.111.153.710 | 21.275.325.755 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 67.000.000.000 | 46.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 23.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 123 | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | V.2 | 23.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 45.090.800.475 | 38.631.311.603 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.3 | 23.148.259.155 | 20.744.493.069 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.4a | 3.779.239.382 | 2.523.345.142 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | V.5 | - | 1.500.000.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | V.6 | 19.486.528.970 | 17.361.560.696 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.7 | (1.323.227.032) | (3.498.087.304) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | | 6.091.042.765 | 8.008.457.781 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | V.8 | 6.091.042.765 | 8.008.457.781 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.825.541.339 | 1.275.850.108 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.9a | 264.115.027 | 270.140.752 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 1.064.589.507 | 579.991.165 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.15 | 496.836.805 | 425.718.191 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 517.462.120.989 | 545.201.423.127 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 1.365.795.426 | 3.537.863.606 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | | - | - |
| 212 | 2. Trả trước cho người bán dài hạn | V.4b | 1.365.795.426 | 3.537.863.606 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 483.400.444.969 | 515.692.299.653 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.10 | 482.464.897.601 | 514.500.362.425 |
| 222 | - Nguyên giá | | 1.058.318.768.780 | 1.055.218.452.692 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (575.853.871.179) | (540.718.090.267) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.11 | 935.547.368 | 1.191.937.228 |
| 228 | - Nguyên giá | | 2.108.174.785 | 1.974.929.785 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.172.627.417) | (782.992.557) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 15.974.297.743 | 12.724.451.367 |
| 241 | 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn | | - | - |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.12 | 15.974.297.743 | 12.724.451.367 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | - | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 16.721.582.851 | 13.246.808.501 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.9b | 16.721.582.851 | 13.246.808.501 |
| 268 | 2. Tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 688.580.659.278 | 693.392.368.374 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 4 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 311.676.132.232 | 333.276.356.765 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 114.897.470.792 | 110.057.598.962 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.13 | 10.333.535.017 | 7.631.895.664 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.14a | 461.632.402 | 387.735.544 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.15 | 5.389.850.872 | 2.930.560.361 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.16 | 21.258.343.919 | 17.403.415.027 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.17 | 2.161.343.100 | 3.064.641.309 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | V.18 | 201.764.943 | 467.301.935 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | V.19 | 45.481.548.645 | 44.574.686.888 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.20a | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 |
| 321 | 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | V.21 | 6.657.406.087 | 12.005.772.593 |
| 322 | 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.22 | 3.412.045.807 | 2.051.589.641 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 196.778.661.440 | 223.218.757.803 |
| 332 | 1. Người mua trả tiền trước dài hạn | V.14b | 55.117.392.187 | 62.017.488.550 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.20b | 141.661.269.253 | 161.201.269.253 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 376.904.527.046 | 360.116.011.609 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.23 | 376.904.527.046 | 360.116.011.609 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 324.054.150.000 | 324.054.150.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 324.054.150.000 | 324.054.150.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 418 | 2. Quỹ đầu tư phát triển | | 29.020.036.947 | 27.259.580.782 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 23.830.340.099 | 8.802.280.827 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 12.847.620 | (16.757.958.762) |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 23.817.492.479 | 25.560.239.589 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 431 | 1. Nguồn kinh phí | | - | - |
| 432 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 688.580.659.278 | 693.392.368.374 |

BÙI THỊ NGỌC LINH

Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng

TP. Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2026

**HUỲNH VĂN TOÀN**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 326.868.523.516 | 383.208.049.101 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 326.868.523.516 | 383.208.049.101 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.2 | 229.131.206.787 | 293.150.943.216 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 97.737.316.729 | 90.057.105.885 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.3 | 1.931.499.650 | 1.533.220.852 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.4 | 12.466.169.854 | 14.098.862.916 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 12.463.146.400 | 14.084.564.075 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | VI.5 | 2.267.037.242 | 2.971.277.248 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.6 | 54.927.143.845 | 45.930.443.292 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 30.008.465.438 | 28.589.743.282 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.7 | 314.115.258 | 1.180.590 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.8 | 575.237.345 | 100.123.922 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (261.122.087) | (98.943.332) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 29.747.343.351 | 28.490.799.950 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | V.15 | 5.929.850.872 | 2.930.560.361 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 23.817.492.479 | 25.560.239.589 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.10a | 735 | 789 |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.10b | 735 | 789 |

TP. Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2026

BÙI THỊ NGỌC LINH

Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng

**HUYNH VĂN TOÀN**

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|--------------|-------------------------|-------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 29.747.343.351 | 28.490.799.950 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | V.10, 11 | 35.525.415.772 | 33.442.300.202 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | V.7 | (7.523.226.778) | 12.042.531.650 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | VI.3 | 3.023.454 | (19.926.800) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | VI.3 | (1.893.523.220) | (1.422.732.624) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | VI.4 | 12.463.146.400 | 14.084.564.075 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động | | 68.322.178.979 | 86.617.536.453 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (184.870.937) | 1.557.000.758 |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | V.8 | 1.917.415.016 | (3.418.702.872) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | 87.362.327 | 8.670.217.155 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | V.9 | 6.787.521.950 | 953.073.775 |
| 13 | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | V.17, VI.4 | (12.785.194.741) | (14.578.170.894) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | V.15 | (3.470.560.361) | - |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | V.22 | (840.114.041) | (938.153.001) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 59.833.738.192 | 78.862.801.374 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | V.10, 11, 12 | (19.196.665.187) | (12.326.044.403) |
| 23 | 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (10.000.000.000) | (33.000.000.000) |
| 24 | 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 20.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| 27 | 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | V.6, VI.3 | 1.795.565.914 | 1.309.922.122 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (7.401.099.273) | (26.016.122.281) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 34 | 1. Tiền trả nợ gốc vay | V.19 | (19.540.000.000) | (19.540.000.000) |
| 36 | 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | V.23c | (5.053.787.510) | (7.466.351.025) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (24.593.787.510) | (27.006.351.025) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | | 27.838.851.409 | 25.840.328.068 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 67.275.325.755 | 41.415.070.887 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | VI.3 | (3.023.454) | 19.926.800 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | V.1 | 95.111.153.710 | 67.275.325.755 |

BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu**NGÔ KHÁNH TOÀN**
Kế toán trưởng**HUYNH VĂN TOÀN**
Giám đốc

Số: 03/BC-BKS

Thành phố Huế, ngày 12 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;
Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều
lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;*

*Căn cứ Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm
2025 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn
Việt tại Đà Nẵng.*

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2025,
Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xin báo cáo trước Đại hội đồng
cổ đông thường niên 2026 các nội dung sau:

1. Hoạt động của ban kiểm soát năm 2025

- Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 được Đại hội đồng cổ đông
bất thường lần thứ nhất - năm 2025 bầu bao gồm 3 (ba) thành viên. Hai thành
viên chuyên trách và một thành viên không chuyên trách thuộc Tổng Công ty
Công nghiệp tàu thủy. Trong đó, thù lao của thành viên Ban kiểm soát không
chuyên trách được hưởng là 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Ban kiểm soát đã thường xuyên tiến hành tổ chức công tác kiểm tra, giám
sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với kế hoạch được
Tổng công ty phê duyệt thông qua người đại diện vốn; xem xét báo cáo tài chính
và các hoạt động đầu tư các dự án trên cơ sở phù hợp Luật Doanh nghiệp và
Điều lệ công ty. Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện 11 cuộc họp và đã
ban hành 11 báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của đơn vị.

- Ban kiểm soát phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán và Công ty kiểm
toán độc lập tiến hành thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo

Tài chính năm 2025 của Công ty do Ban Điều hành lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.

- Ban kiểm soát (BKS) tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban Điều hành (BDH) và một số cuộc họp khác với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của đơn vị.

- Trong năm, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông về yêu cầu xem xét hoạt động của Công ty, về việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2025

2.1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Năm 2025 là một năm khó khăn đối với Cảng Chân Mây do ảnh hưởng của nguyên nhân yếu tố thời tiết làm sản lượng than qua Cảng giảm mạnh gần 1 triệu tấn so với kế hoạch, chỉ đạt 58% kế hoạch đặt ra (1.365.725 tấn/2.358.200 tấn) dẫn đến tổng sản lượng hàng thông qua Cảng chỉ đạt 4.971.281 tấn, tương ứng với 89% kế hoạch được phê duyệt 5.600.000 tấn. Với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh với lợi nhuận 29.747 triệu đồng, vượt 17% so với kế hoạch 25.351 triệu đồng. Để đạt được kết quả lợi nhuận như trên xuất phát từ những mặt hàng chủ lực có tỷ suất lợi nhuận cao trong cơ cấu doanh thu trong năm 2025 đó là:

- Sản lượng mặt hàng gỗ dăm năm 2025 đạt 2.052.336 tấn, tăng so với kế hoạch 15% đã đem về khoản doanh thu 105 tỷ đồng.

- Năm 2025, đón được 130.494 lượt khách du lịch tương ứng với 46 chuyến tàu du lịch đem về cho đơn vị khoản doanh thu tương ứng 26 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty đạt được các kết quả cụ thể như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch 2025 | Thực hiện năm 2025 |
|-----|------------------------------|------|--------------------|---------------|--------------------|
| 1 | Tàu hàng | Lượt | 595 | - | 531 |
| | Tàu container | Lượt | 66 | - | 59 |
| | Tàu du lịch | Lượt | 40 | - | 46 |
| 2 | Du khách và thuyền viên | Lượt | 90.960 | - | 130.494 |
| 3 | Sản lượng hàng hóa thông qua | Tấn | 5.394.231 | 5.600.000 | 4.971.281 |
| 4 | Sản lượng container | TEU | 8.395 | 11.080 | 11.347 |
| 5 | Doanh thu và thu nhập khác | Tr.đ | 384.742 | 386.200 | 329.113 |
| 6 | Tổng chi phí | Tr.đ | 356.251 | 360.849 | 299.366 |

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch 2025 | Thực hiện năm 2025 |
|-----|------------------------|------------|--------------------|---------------|--------------------|
| 7 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 28.491 | 25.351 | 29.747 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | 25.560 | 20.281 | 23.817 |
| 9 | Nộp ngân sách Nhà nước | Tr.đ | 3.863 | 8.360 | 14.356 |
| 10 | Tổng số lao động | Người | 337 | 347 | 347 |
| 11 | Thu nhập bình quân | Tr.đ/Người | 17,08 | 16,56 | 18,47 |

2.2. Đánh giá về hoạt động tài chính

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 trên cơ sở tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. Công ty đã thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, xác nhận Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31/12/2025. Trên cơ sở đó, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán ngày 14/2/2026.

2.3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2025 | Năm 2024 | Ghi chú |
|-----|--|-----|----------|----------|---------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | | |
| | Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 0,25 | 0,21 | |
| | Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 0,75 | 0,79 | |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | | |
| | Nợ phải trả/Vốn CSH | % | 0,96 | 1,03 | |
| | Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 0,45 | 0,48 | |
| | Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn | % | 0,47 | 0,47 | |
| 3 | Khả năng thanh toán | | | | |
| | Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | lần | 1,44 | 1,27 | |
| | Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | lần | 1,49 | 1,35 | |
| 4 | Hiệu quả | | | | |
| | Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 0,0346 | 0,0369 | |

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2025 | Năm 2024 | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|-----|----------|----------|---------|
| | Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu | % | 0,0729 | 0,0667 | |
| | Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) | % | 0,0735 | 0,0789 | |

Chỉ tiêu Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền thuần có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 dương, cho thấy hoạt động của doanh nghiệp được diễn ra liên tục và đảm bảo hoạt động hiệu quả cho việc đầu tư và bù đắp các chi phí.

Hệ số khả năng thanh toán hiện tại là chỉ số đo lường khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Chỉ số này ở mức 2-3 lần được xem là tốt, nhưng hiện nay chỉ số này của đơn vị khoảng 1,49 lần cho thấy thời gian đến việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của đơn vị trong tương lai sẽ khó khăn.

Nhìn chung, năm 2025 các chỉ tiêu tài chính của Công ty đã đạt kế hoạch, kết quả tài chính đảm bảo được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo đảm và phát triển.

3. Về công tác hoạt động của 3 Xí nghiệp

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Xí nghiệp trực thuộc năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra Xí nghiệp Xếp dỡ, Xí nghiệp Cơ giới và Xí nghiệp Dịch vụ cung ứng tàu biển và đã ban hành Báo cáo số 06/BKS-CM ngày 10/7/2025.

4. Báo cáo kết quả giám sát đầu tư các dự án

Kế hoạch đầu tư năm 2025 gồm có 8 hạng mục chuyển tiếp từ các năm trước và 5 hạng mục đầu tư mới năm 2025. Tiến độ thực hiện dự án năm 2025 chỉ đạt 12,17% kế hoạch được giao (14.946/122.800 triệu đồng). Trong đó có 4 hạng mục chuyển tiếp xin được tạm dừng thực hiện trong năm 2025 gồm có:

+ Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (bến 120m);

+ Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây;

+ Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường Bến số 1 - Cảng Chân Mây;

+ Bổ sung công năng cho Bến số 2 đón tàu khách du lịch để tiếp tục hoàn thiện thủ tục.

Các hạng mục đã kiểm toán, có 5/7 hạng mục quyết toán công trình đưa vào sử dụng tính đến ngày 31/12/2025:

1. Nhà kho 2500m² ;

2. Hàng rào kho bãi mở rộng Bến số 1;

3. Nâng cấp bãi chứa hàng container;
4. Sửa chữa, bảo trì Bến số 1 năm 2022;
5. Sửa chữa, bảo trì Bến số 1 năm 2023;
6. Hệ thống xử lý nước thải Bến số 1; (sẽ quyết toán trong tháng 01/2026)
7. Hàng rào nhà kho 7000m². (Đã kiểm toán, chưa phê duyệt quyết toán)

5. Kết quả hoạt động của HĐQT và ban TGD

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2025, Ban kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

5.1. Đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm qua

- Trong năm, HĐQT đã hoàn thành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty. Các chính sách của HĐQT mang tính định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện; xây dựng chiến lược, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, hiệu quả giúp kết quả đạt được vượt kế hoạch đề ra.

- Căn cứ các Tờ trình, HĐQT đã tổ chức họp 9 phiên họp, 36 biên bản lấy ý kiến; đã ban hành 52 Nghị quyết, 23 Quyết định, 16 Tờ trình và 9 văn bản khác. Các văn bản được lập đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Đánh giá các hoạt động của Ban TGD trong năm qua

- Ban TGD đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng Quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, không có vi phạm nào làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Triển khai thường xuyên các cuộc họp giao ban hàng tuần để tập trung giải quyết kịp thời các vướng mắc trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, ban TGD

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của đơn vị, của cổ đông và theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban

kiểm soát đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hàng tuần tham dự cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc điều hành.

- Với cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông về hoạt động của công ty trong thời gian qua.

7. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó Thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Trong những năm qua không có phát sinh giao dịch này.

8. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát

Kế hoạch hoạt động trong năm 2026 của Ban kiểm soát tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn;
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Lập báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và 1 năm trình HĐQT;
- Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại 3 Xí nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của khách hàng;
- Phân tích, đánh giá chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn.
- Phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát, xây dựng báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2026;
- Kiểm soát việc tuân thủ công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện minh bạch theo đúng nội dung quy định của Công ty niêm yết;
- Và thực hiện các công tác khác theo quy định.

9. Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Về khoản ký quỹ đầu tư xây dựng Bến số 2 và mở rộng kho bãi Bến số 1: Đến nay, dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào sử dụng từ năm 2022 nhưng khoản tiền ký quỹ chưa được Công ty thu hồi với số tiền ký quỹ tính đến 31/12/2025 là 10.224.850.000 đồng. Kiến nghị đơn vị cho tiến hành các thủ tục thu hồi khoản ký quỹ này.

- Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu: Kiến nghị Công ty cần có kế hoạch nâng cấp và triển khai phần mềm hệ thống hóa đơn điện tử để thực hiện xuất hóa đơn điện tử tương ứng với mỗi lần bán hàng theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định thời điểm xuất hóa đơn GTGT.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra, giám sát kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025. Ban kiểm soát kính trình quý vị cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BĐH;
- Lưu: VT.HC, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Tuấn Anh

Số: 12 /TTr-HĐQT

Thành phố Huế, ngày 18 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch đầu tư năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;
Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch đầu tư năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Stt | Dự án | Kế hoạch năm 2026 | | Nguồn vốn | Ghi chú |
|-----------|---|-------------------|----------------|------------------------------------|---------|
| | | Thực hiện | Giải ngân | | |
| | Tổng cộng (I+II) | 142.080 | 141.674 | | |
| I | Dự án/BCKTKT chuyển tiếp | 139.850 | 136.474 | | |
| 1 | Đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây (giai đoạn hoàn thiện) | 119.407 | 119.407 | Vốn tự có và vốn huy động hợp pháp | |
| 2 | Nâng cấp hệ thống PCCC Bến số 1 - Cảng Chân Mây | 4.751 | 4.751 | Vốn tự có | |
| 3 | Sửa chữa bảo trì Bến số 1 năm 2025 | 10.903 | 8.217 | Vốn tự có, vốn từ hoạt động SXKD | |
| 4 | Xây dựng trạm biến áp Bến số 1 phục vụ sản xuất kinh doanh | 3.119 | 3.119 | Vốn tự có | |
| 5 | Mua sắm xe hút bụi | 1.400 | 980 | Vốn tự có | |
| II | Dự án/BCKTKT mới năm 2026 | 2.500 | 5.200 | | |
| 1 | Xây dựng 01 Nhà kho 5000m2 | 2.000 | 2.000 | Vốn tự có và vốn huy động hợp pháp | |



Handwritten signature

| | | | | | |
|---|--|-----|-------|------------------------------------|--|
| 2 | Mở rộng bãi Bến số 1 tiếp giáp khu KT1 | 500 | 3.200 | Vốn tự có và vốn huy động hợp pháp | |
|---|--|-----|-------|------------------------------------|--|

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT, HC.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Đạt



Số: **14** /TTr-HĐQT

Thành phố Huế, ngày **18** tháng **3** năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty như sau:

1. Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2025

1.1. Quỹ lương của người lao động và Ban Tổng Giám đốc: Áp dụng theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong Doanh nghiệp nhà nước và căn cứ theo Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và căn cứ các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh là: 68.023 triệu đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi tám tỷ, không trăm hai mươi ba triệu đồng*).

1.2. Quỹ lương của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát: Áp dụng theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước và căn cứ theo Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 của Bộ



h

Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 44/2025/NĐ-CP là: 1.313 triệu đồng
(*Bằng chữ: Một tỷ, Ba trăm mười ba triệu đồng*).

1.3. Tổng thù lao của thành viên HĐQT: Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (03 người) là: 108.000.000 đồng.

1.4. Tổng thù lao của Ban Kiểm soát: Thành viên không chuyên trách Ban kiểm soát (01 người) là: 24.000.000 đồng.

2. Phương án quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2026

2.1. Tổng quỹ lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc năm 2026 sẽ tiếp tục được thực hiện theo Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

2.2. Phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty năm 2026 được thực hiện như sau:

| Stt | Chức danh | Thù lao |
|-----|--|--------------------------------|
| 1 | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 10.000.000 đồng/người/tháng |
| 2 | Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách | Không hưởng thù lao |
| 3 | Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (<i>bao gồm các thành viên kiêm nhiệm</i>) | 5.000.000 đồng/người/tháng |
| 4 | Trưởng Ban kiểm soát | Không hưởng thù lao |
| 5 | Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách | Không hưởng thù lao |
| 6 | Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách | 3.000.000 đồng/người/tháng |

- Thù lao được trả vào cuối mỗi quý.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Tiến Đạt

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận,
trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng (VIETVALUES).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội Đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

| Stt | Chỉ tiêu | Tỉ lệ | Số tiền (VNĐ) |
|-----|---|--------|-----------------|
| 1 | Vốn điều lệ | | 324.054.150.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế năm | | 29.747.343.351 |
| 3 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | | 5.929.850.872 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | | 23.817.492.479 |
| 5 | Bù lỗ lũy kế các năm trước | | 0 |
| 6 | Lợi nhuận để chia cổ tức và trích lập các quỹ | | 23.817.492.479 |
| 6.1 | - Trích lập quỹ đầu tư và phát triển | 40,00% | 9.526.996.992 |
| 6.2 | - Trích lập quỹ khen thưởng | 10,00% | 2.381.749.248 |
| 6.3 | - Trích lập quỹ phúc lợi | 25,00% | 5.954.373.120 |



Handwritten signature

| | | | |
|-----|--|--------|---------------|
| 6.4 | - Trích thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Tổ Thư ký | 3,00% | 714.524.774 |
| 6.5 | - Chi trả cổ tức | 22,00% | 5.239.848.345 |
| | + Tỷ lệ chi trả cổ tức | | 1,62% |

2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025

- Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản;
- Thời gian chi trả: Sau khi Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2025 và theo đúng thời gian quy định của Pháp luật.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Đạt

(Red circular stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY, M.S.D.N: 3300515171 - C.T.C.P, XÃ CHÂN MÂY - LÃNG CỎ - TP. HUẾ)

(Red circular stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY, M.S.D.N: 3300515171 - C.T.C.P, XÃ CHÂN MÂY - LÃNG CỎ - TP. HUẾ)

Số: **15**/TTr-HĐQT

Thành phố Huế, ngày **18** tháng **3** năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;
Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;
Xét nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của Công ty.*

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong quá trình hoạt động sẽ phát sinh một số vấn đề thủ tục hoặc các cơ hội kinh doanh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc xin ý kiến của cổ đông sẽ mất nhiều thời gian và chi phí. Nhằm tạo sự chủ động cho Hội đồng quản trị (HĐQT) trong quá trình quản lý điều hành, kịp thời đưa ra các quyết định nhằm mang lại lợi ích cho Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số nội dung ủy quyền như sau:

1. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số nội dung:

1.1. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) biểu quyết thông qua (bao gồm cả việc triển khai thực hiện các trình tự thủ tục, làm việc với bên thứ ba hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền nhằm đạt được các mục tiêu và kế hoạch đề ra phù hợp với quy định của pháp luật).

1.2. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính bán niên năm 2026 và Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

2. Thời hạn ủy quyền: Từ ngày tờ trình được thông qua cho đến khi có Nghị quyết thay thế của Đại hội đồng cổ đông.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Tiến Đạt



Thành phố Huế, ngày 09 tháng 4 năm 2026



**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 19/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 00 ngày 09/4/2026 tại văn phòng Công ty cổ phần Cảng Chân Mây, Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm có:

1. Ông: Hoàng Trung Chính - Trưởng ban
2. Ông: Trương Quang Việt - Thành viên
3. Bà: Lê Thị Thanh Loan – Thành viên

Đã tiến hành kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây với kết quả như sau:

- Tổng số cổ đông của công ty: 257 cổ đông (trong đó có: 04 cổ đông pháp nhân);
- Số cổ đông tham dự: 40 người;
- Đại diện cho 32.134.515 /32.405.415 cổ phần phổ thông;
- Đạt tỷ lệ: 99,164 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết ($\geq 51\%$).








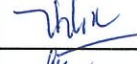

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây đủ điều kiện tiến hành.






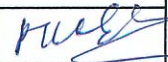
Ban kiểm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước Đại hội.

**TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN**







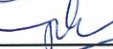



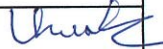



Hoàng Trung Chính



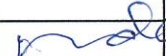

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

| STT | Tên cổ đông | Ngày tháng năm sinh | Nơi đăng ký Hệ khẩu thường trú và Chỗ ở hiện tại (Địa chỉ công ty) | Số CMND, CCCD hoặc Giấy CNDKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số lượng cổ phần Sở hữu | Số lượng cổ phần được ủy quyền tham dự | Tổng số lượng cổ phần biểu quyết | Ký tên |
|---|----------------------------------|---------------------|---|---|------------|---------------------------|----------------------------|---|---|---|
| TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY | | | | | | | 345.240 | 32.060.175 | 32.405.415 | ủy quyền |
| 1 | Nguyễn Tiến Đạt | 12/05/1973 | 71/333B Văn Cao, Hải An, tp Hải Phòng | 031073003080 | 26/08/2024 | Bộ Công an | | 12.044.425 | 12.044.425 |  |
| 2 | Huỳnh Văn Toàn | 15/08/1975 | Xã Chân Mây - Lăng Cô, tp Huế | 046075005019 | 28/06/2021 | Cục cảnh sát QLHC TTXH | 6.300 | 10.000.000 | 10.006.300 |  |
| 3 | Lê Chí Phai | 21/7/1979 | Xã Chân Mây - Lăng Cô, tp Huế | 046079006306 | 11/08/2021 | Cục cảnh sát QLHC TTXH | 2.625 | 10.000.000 | 10.002.625 | Phai |
| CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BÊN NGOÀI | | | | | | | | | | |
| 4 | Công ty cổ phần vận tải Hùng Đạt | | 79 Hoàng Diệu - Tây Lộc - Thành phố Huế | | | | 21.000 | | 21.000 | |
| 5 | Công ty CP Thực phẩm An Long | | Cụm công nghiệp Long Định - Long Can, Long Can - Cần Đức - Long An | 200075068 | 13/02/2007 | CA Đà Nẵng | 10.500 | | 10.500 | |
| 6 | Doanh nghiệp tư nhân Lộc Tự | | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | | | | 10.500 | | 10.500 | |
| 7 | Nguyễn Bá An | 16/08/1984 | 130 Nguyễn Huệ, Phường Thuận Hóa, Thành phố Huế | 046084013363 | 14/11/2022 | Cục cảnh sát QLHC TTXH | | 15.750 | 15.750 |  |
| 8 | Hồ Hoàng Thi | 14/04/1978 | 292/16b/10 Bùi Thị Xuân - Phường Đức - Thành phố Huế | 046178012003 | 09/08/2021 | Cục cảnh sát QLHC TTXH | 6.615 | | 6.615 |  |
| 9 | Nguyễn Hữu Thọ | 25/10/1956 | 32 Đặng Huy Trứ - Trường An - Thành phố Huế | 191805259 | 18/9/2008 | CA TT Huế | 4.725 | | 4.725 | |
| 10 | Nguyễn Thành Công | 28/2/1976 | Bình An - Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 197028873 | 09/03/1993 | CA Quảng Trị | 1.890 | | 1.890 |  |
| 11 | Trần Văn Phong | 25/03/1965 | 305 Đào Duy Anh - Phú Bình - Thành phố Huế | 046065009689 | 09/08/2021 | Cục cảnh sát QLHC TTXH | 8.295 | | 8.295 | |
| 12 | Hoàng Trung Chính | 09/03/1978 | 21/20/43 Hồ Đắc Di - An Cựu - Thành phố Huế | 191384206 | 03/08/2010 | CA TTHuế | 1.890 | | 1.890 |  |
| 13 | Lê Thị Ni Na | 07/02/1979 | Thôn 3 - Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191403106 | 15/07/1994 | CA TTHuế | 2.730 | | 2.730 |  |
| 14 | Quý Hiền | 31/03/1961 | 22 Phú Thới Thái - Chi Lăng - Phú Cát - Thành phố Huế | 190003856 | 30/03/1978 | CA TTHuế | 6.930 | | 6.930 | |
| 15 | Lê Thị Thanh Loan | 17/10/1984 | 26/19 Phùng Lưu - Thủy Dương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191526894 | 23/03/2000 | CA TTHuế | 735 | | 735 |  |
| 16 | Lê Văn Tiến | 01/11/1987 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191592354 | 08/03/2002 | CA TTHuế | 5.670 | | 5.670 |  |
| 17 | Phan Quốc Khánh | 26/08/1983 | Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191477939 | 24/04/1998 | CA TTHuế | 1.785 | | 1.785 | |



| | | | | | | | | | | |
|----|----------------------|------------|---|-----------|------------|-------------|-------|--|-------|---|
| 18 | Phan Văn Hưng | 22/06/1984 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191522299 | 26/10/1999 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 19 | Trần Thị Kim Anh | 01/04/1982 | Bình An - Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486135 | 01/06/1998 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 20 | Nguyễn T. Xuân Nương | 06/03/1983 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486092 | 25/5/1998 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 21 | Nguyễn P.B.V Hùng | 11/03/1974 | 2/4 Hồ Xuân Hương - Phú Hậu - Thành phố Huế | 191322620 | 10/11/2003 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 22 | Trương Quang Việt | 27/06/1983 | Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191523142 | 10/03/2000 | CA TTHuế | 315 | | 315 |  |
| 23 | Trương Văn Hưng | 19/7/1988 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191624103 | 14/09/2009 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 24 | Nguyễn Thanh Tuấn | 06/01/1981 | 16/7 Trường Chinh - Xuân Phú - Thành phố Huế | 191460013 | 09/04/2001 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 25 | Hồ Trọng Nhuận | 20/06/1972 | Tổ 11 KV 4 Hồ Đắc Di - An Cựu - Thành phố Huế | 191097857 | 16/12/2002 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 26 | Nguyễn Văn Lễ | 21/01/1970 | 68/16 Điện Biên Phủ - Vinh Ninh - Thành phố Huế | 191233160 | 22/07/2002 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 27 | Tôn Thất Đàm | 19/07/1988 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191238989 | 20/04/1988 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 28 | Hoàng Ngọc Bích | 24/04/1972 | 135 Ngự Bình - An Cựu - Thành phố Huế | 191506671 | 23/04/1999 | CA TTHuế | 1.155 | | 1.155 | |
| 29 | Hà Thị Ty | 29/8/1985 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191718942 | 16/10/2006 | CA TTHuế | 630 | | 630 | |
| 30 | Nguyễn Thị Thơm | 00/00/1977 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191375888 | 20/10/1993 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 31 | Nguyễn Thị Mến | 25/10/1985 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191553668 | 30/01/2002 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 32 | Hồ Thị Thuý | 15/06/1988 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191627781 | 28/08/2003 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 33 | Đỗ Thị Minh Ý | 11/01/1971 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191406211 | 02/01/1986 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 34 | Nguyễn Thị Tiến | 15/04/1988 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191624058 | 04/02/2009 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 35 | Nguyễn Thị Kim Anh | 16/04/1993 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191787763 | 18/05/2008 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 36 | Tôn Nữ Thị Thu | 12/04/1971 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191250071 | 20/05/1988 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 37 | Nguyễn Văn Chương | 02/03/1981 | 315 Chi Lăng - Phú Hiệp - Thành phố Huế | 191462138 | 10/04/1997 | CA TTHuế | 1.890 | | 1.890 |  |
| 38 | Hồ Hoàng Bửu Chính | 19/08/1978 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 271314966 | 27/06/1994 | CA Đồng Nai | 2.625 | | 2.625 |  |
| 39 | Nguyễn Tấn Cầm | 10/12/1980 | 18/20/43 Hồ Đắc Di - An Cựu - Thành phố Huế | 191393967 | 26/05/2001 | CA TTHuế | 1.365 | | 1.365 |  |
| 40 | Lê Quang Cường | 30/07/1984 | 1195 Nguyễn Tất Thành, Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191515532 | 15/09/2003 | CA TTHuế | 630 | | 630 | |
| 41 | Nguyễn Ngọc Kim Long | 17/11/1988 | 18c/79 Phạm Thị Liên - Kim Long - Thành phố Huế | 191634602 | 09/02/2009 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 42 | Đặng Thanh Huy | 25/06/1989 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191741855 | 28/02/2007 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 43 | Nguyễn Huy Bình | 27/04/1989 | Phú Thanh - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 191631849 | 18/08/2008 | CA TTHuế | 210 | | 210 |  |
| 44 | Trần Hoàng Oanh | 06/02/1984 | 53 Đặng Văn Ngữ - An Đông - Thành phố Huế | 191545779 | 10/03/2000 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 45 | Võ Đại Phong | 16/4/1978 | Hòa Mỹ - Lộc Bồn - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191407255 | 03/06/1995 | CA TTHuế | 420 | | 420 |  |

3157
NG
3 P
G C
MAY

| | | | | | | | | | | |
|----|-----------------------|------------|---|-----------|------------|---------------|-------|--|-------|---|
| 46 | Dương Thủy Linh | 18/08/1985 | Phú Gia - Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 194194554 | 15/04/2000 | CA Quảng Bình | 1.365 | | 1.365 |  |
| 47 | Hồ Anh Hùng | 13/01/1982 | 77 Duy Tân - An Cựu - Thành phố Huế | 191456001 | 24/02/1997 | CA TTHuế | 1.260 | | 1.260 | |
| 48 | Nguyễn Thị Bích Thuận | 30/12/1988 | An Cư Đông 1 - Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191718208 | 04/04/2006 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 49 | Phan Tuấn Anh | 14/01/1981 | 1325 Nguyễn Tất Thành - Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191440160 | 20/12/2002 | CA TTHuế | 1.680 | | 1.680 |  |
| 50 | Ngô Khánh Toàn | 18/10/1979 | Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191425146 | 24/02/2003 | CA TTHuế | 1.995 | | 1.995 |  |
| 51 | Nguyễn T. Phương Loan | 22/06/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520094 | 26/08/1999 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 52 | Bùi Thị Ngọc Linh | 17/04/1984 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520099 | 26/08/1999 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 |  |
| 53 | Nguyễn Thị Thuý Diệu | 28/03/1983 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486106 | 29/05/1998 | CA TTHuế | 2.520 | | 2.520 | |
| 54 | Lê Thị Hoàng Diệu | 26/10/1985 | Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191535397 | 08/03/2004 | CA TTHuế | 315 | | 315 |  |
| 55 | Nguyễn Thị Kim Ly | 20/09/1988 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191617562 | 13/03/2006 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 56 | Lê Thành Công | 08/05/1976 | Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191345718 | 05/07/1991 | CA TTHuế | 1.890 | | 1.890 |  |
| 57 | Cái Quốc Phưởng | 10/10/1979 | Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191641764 | 08/01/2007 | CA TTHuế | 2.625 | | 2.625 |  |
| 58 | Phan Duy Toàn | 28/07/1979 | Hương Phong - Hương Trà - Thừa Thiên Huế | 191405313 | 20/10/1997 | CA TTHuế | 1.680 | | 1.680 |  |
| 59 | Trương Đình Tuấn | 11/05/1983 | 18/1 Văn Cao - Xuân Phú - Thành phố Huế | 191491809 | 06/12/2006 | CA TTHuế | 2.730 | | 2.730 |  |
| 60 | Đỗ Văn Bảo | 18/05/1984 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191569166 | 14/11/2005 | CA TTHuế | 1.785 | | 1.785 | |
| 61 | Nguyễn Công Minh | 08/11/1978 | Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191400622 | 05/12/1994 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 62 | Trần Minh Hưng | 08/02/1988 | Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191662442 | 06/08/2004 | CA TTHuế | 105 | | 105 | |
| 63 | Nguyễn Minh Trinh | 10/06/1982 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191506966 | 21/5/1999 | CA TTHuế | 1.575 | | 1.575 |  |
| 64 | Trương Quốc Văn | 08/02/1988 | Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191641144 | 15/08/2011 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 65 | Cao Xuân Minh Duy | 18/03/1987 | Số 2/4 Nguyễn Cư Trinh - Thuận Hòa - Thành phố Huế | 191635043 | 12/04/2004 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 66 | Tôn Nữ Huỳnh Phương | 02/10/1972 | Lô C5 KQH Cầu Lim - Thủy Xuân - Thành phố Huế | 191198400 | 30/01/2000 | CA TTHuế | 2.415 | | 2.415 |  |
| 67 | Hoàng Thị Như Quỳnh | 27/02/1988 | 27/110 Nhật Lệ - Thuận Lộc - Thành phố Huế | 191634600 | 20/08/2003 | CA TTHuế | 210 | | 210 |  |
| 68 | Trương Thị Diệu Linh | 24/06/1983 | 185 Trần Huy Liệu - Phú Hòa - Thành phố Huế | 191496861 | 01/07/1999 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 69 | Hồ Hữu Khoa | 20/4/1984 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191514966 | 17/3/2010 | CA TTHuế | 1.260 | | 1.260 |  |
| 70 | Nguyễn Đại Dương | 16/05/1986 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191641880 | 08/09/2009 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 71 | Lê Tài | 24/09/1984 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191562080 | 17/09/2001 | CA TTHuế | 1.575 | | 1.575 |  |
| 72 | Nguyễn Thị Kim Chi | 30/06/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464048 | 19/08/2000 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 73 | Nguyễn T Ánh Nguyệt | 20/04/1983 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520135 | 27/08/1999 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |

| | | | | | | | | | | |
|-----|-----------------------|------------|---|-----------|------------|--------------|-------|--|-------|---|
| 74 | Phan Thị Mãnh | 20/05/1986 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 194584498 | 28/11/2001 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 75 | Nguyễn Công An Định | 08/04/1980 | Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191592715 | 01/04/2002 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 |  |
| 76 | Lê Công Dũng | 01/02/1970 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191122295 | 20/07/1986 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 77 | Võ Ngôn | 21/10/1980 | 221 Đào Duy Anh - Thành phố Huế | 191421548 | 26/07/1995 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 78 | Nguyễn Đắc Cường | 02/08/1984 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191962147 | 20/09/2000 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 79 | Hoàng Nguyễn Kim Sor | 04/07/1980 | Lộc Sơn - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191329090 | 12/04/1996 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 80 | Phan Đình Duy | 20/10/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464076 | 19/03/2001 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 81 | Phạm Minh Lân | 20/09/1969 | 61 Tôn Thất Thiệp - Thuận Hòa - Thành phố Huế | 191457235 | 25/03/1997 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 82 | Lê Vĩnh Huy | 17/07/1982 | Thủy Châu - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191528724 | 20/03/2000 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 83 | Phạm Minh Dũng | 14/12/1981 | Tổ 17 khu vực 5 Thủy Xuân TT Huế | 191453217 | 30/09/2000 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 84 | Hồ Thị Lý | 00/00/1984 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191523247 | 03/10/2000 | CA TTHuế | 525 | | 525 | |
| 85 | Nguyễn Thị Lệ Thủy | 20/10/1977 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 197103040 | 08/08/1998 | CA Quảng Trị | 735 | | 735 | |
| 86 | Nguyễn Thị Ánh Phương | 19/08/1988 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191627646 | 28/05/2003 | CA TTHuế | 1.155 | | 1.155 | |
| 87 | Dương Thị Trí Tín | 26/09/1987 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191592287 | 06/03/2002 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 88 | Lê Minh Đạt | 16/03/1984 | Phú Thượng - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 191524414 | 03/11/2000 | CA TTHuế | 1.680 | | 1.680 | |
| 89 | Châu Kim Sơn | 14/02/1980 | Phú Thượng - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 191449236 | 27/11/2000 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 90 | Bùi Vĩnh Thái | 23/11/1985 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191531940 | 13/07/2000 | CA TTHuế | 630 | | 630 |  |
| 91 | Phan Thị Thùy Linh | 11/7/1987 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191592310 | 11/06/2007 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 92 | Võ Lương Quân | 02/01/1983 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191514978 | 13/05/2002 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 93 | Nguyễn Đức Cường | 01/01/1982 | Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191506136 | 30/03/1999 | CA TTHuế | 1.260 | | 1.260 |  |
| 94 | Đoàn Quang Vũ | 28/01/1981 | 118 Hùng Vương - Phú Nhuận - Thành phố Huế | 191456272 | 03/05/2013 | CA TTHuế | 945 | | 945 |  |
| 95 | Trần Anh Tiến | 01/11/1981 | Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191440117 | 12/03/1997 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 96 | Nguyễn Hoàng Anh Vũ | 05/03/1983 | 484B Bùi Thị Xuân - Phường Đức - Thành phố Huế | 191484297 | 22/12/2006 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 97 | Đặng Hoàng Thắng | 01/10/1979 | Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191570041 | 05/02/2001 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 98 | Nguyễn Thị Hoà | 20/4/1981 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464435 | 11/08/1997 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 99 | Hồ Minh Cường | 18/08/1978 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 240627155 | 20/04/1998 | CA Gia Lai | 1.050 | | 1.050 | |
| 100 | Trương Văn Tiến | 27/08/1983 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520401 | 08/06/2001 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 101 | Nguyễn Duy Tường | 25/03/1978 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191406261 | 30/05/1994 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |

| | | | | | | | | | | |
|-----|--------------------|------------|--|-----------|------------|---------------|-------|--|-------|--|
| 102 | Võ Hữu Hoà | 12/08/1973 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191299607 | 20/05/2002 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 103 | Huỳnh Văn Hoà | 02/01/1979 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191506015 | 30/03/1999 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 104 | Trần Văn Nhâm (LT) | 02/06/1982 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464068 | 13/06/1997 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 105 | Vĩnh Cường | 23/3/1973 | Phú Hậu - Thành phố Huế | 191322812 | 11/05/1989 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 106 | La Đức Hạnh | 06/05/1977 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191549626 | 24/07/2000 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 107 | Lê Văn Cường | 15/12/1978 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191406582 | 05/06/1994 | CA TTHuế | 3.150 | | 3.150 | |
| 108 | Huỳnh Văn Nhân | 22/02/1982 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464285 | 30/07/1997 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 109 | Trần Văn Nhâm (LV) | 12/12/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486219 | 06/06/1998 | CA TTHuế | 2.100 | | 2.100 | |
| 110 | Đặng Văn Trình | 01/02/1984 | Phú Xuân - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 191524166 | 21/10/1999 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 111 | Trần Rin | 03/09/1982 | Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464731 | 24/04/2006 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 112 | Nguyễn Văn Cường | 20/05/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486150 | 17/06/2002 | CA TTHuế | 1.155 | | 1.155 | |
| 113 | Trương Duy | 03/02/1979 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191426168 | 19/06/2006 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 114 | Nguyễn Văn Hà | 15/02/1987 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191592489 | 20/03/2002 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 115 | Nguyễn B. Quốc Nam | 04/03/1981 | 4/1/423 Chi Lăng - Phú Hậu - Thành phố Huế | 191444322 | 15/07/1996 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 116 | Võ Đại Thạnh | 01/11/1979 | Lộc Bồn - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191438043 | 21/07/2003 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 117 | Nguyễn Cầu | 27/02/1975 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191826677 | 17/07/2009 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 118 | Hồ Thanh Đức | 09/03/1991 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191766059 | 28/08/2007 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 119 | Đỗ Anh Trung | 05/08/1988 | Phường Trường An, TP Huế | 191734865 | 16/01/2007 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 120 | Lê Quang Bảo | 02/09/1982 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191514995 | 24/08/1999 | CA TTHuế | 1.365 | | 1.365 | |
| 121 | Nguyễn Đức Hòa | 01/11/1989 | 63 Điện Biên Phủ - Vĩnh Ninh - Thành phố Huế | 191706478 | 22/11/2005 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 122 | Nguyễn Văn Tư | 15/02/1989 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191703639 | 05/09/2011 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 123 | Tôn Thất Thiện Mỹ | 20/10/1983 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520060 | 25/08/1999 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 124 | Nguyễn Ngọc Quý | 29/11/1980 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191485815 | 19/05/1998 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 125 | Từ Công Thành | 18/02/1986 | 7/36 Trần Quang Khải - Phú Hội - Thành phố Huế | 191558137 | 16/01/2002 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 126 | Nguyễn Dũng | 08/04/1984 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191562092 | 20/09/2000 | CA TTHuế | 630 | | 630 | |
| 127 | Nguyễn Trọng Cấp | 00/00/1963 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 285103811 | 11/10/2007 | CA Bình Phước | 420 | | 420 | |
| 128 | Võ Văn Linh | 13/07/1973 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191426578 | 06/05/2010 | CA TTHuế | 630 | | 630 | |
| 129 | Nguyễn Văn Rôm | 06/07/1983 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191514976 | 23/08/1999 | CA TTHuế | 525 | | 525 | |

| | | | | | | | | | | |
|-----|----------------------|------------|--|-----------|------------|------------------|-------|--|-------|---|
| 130 | Trần Thắng | 20/05/1979 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191426402 | 05/07/1995 | CA TTHuế | 2.100 | | 2.100 |  |
| 131 | Ngô Viết Hoà | 07/07/1978 | Thủy Dương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191477786 | 03/05/1998 | CA TTHuế | 1.995 | | 1.995 | |
| 132 | Võ Quang Ánh | 17/02/1979 | 12/52 Thánh Gióng - Thuận Lộc - Thành phố Huế | 191413502 | 15/02/2000 | CA TTHuế | 2.310 | | 2.310 | |
| 133 | Lê Văn Rô | 07/12/1983 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486026 | 27/05/1998 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 134 | Nguyễn Thuận | 27/04/1982 | Lộc Sơn - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191463246 | 24/05/1997 | CA TTHuế | 4.200 | | 4.200 | |
| 135 | Lê Văn Định | 01/01/1969 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 190989159 | 01/02/1996 | CA TTHuế | 1.365 | | 1.365 | |
| 136 | Trương Văn Xí | 17/06/1970 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191122078 | 20/05/1986 | CA TTHuế | 630 | | 630 | |
| 137 | Tôn Thất Nhất Trường | 10/04/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520882 | 23/09/1999 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 138 | Ngô Viết Bằng | 03/08/1982 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191462781 | 05/05/1997 | CA TTHuế | 2.835 | | 2.835 | |
| 139 | Hồ Giang Phúc | 29/05/1985 | Phường Đúc, TP Huế | 191545111 | 31/08/2000 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 140 | Nguyễn Quang Ánh | 16/06/1980 | Thủy Thanh - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191403900 | 31/08/2000 | CA TTHuế | 1.365 | | 1.365 | |
| 141 | Phan Văn Đoàn | 09/09/1987 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191553628 | 29/01/2002 | CA TTHuế | 2.835 | | 2.835 | |
| 142 | Nguyễn Quốc Quang | 07/08/1988 | Trung Sơn - Gio Linh - Quảng Trị | 197159112 | 26/09/2002 | CA Quảng Trị | 1.575 | | 1.575 | |
| 143 | Nguyễn Tôn Phương | 20/03/1981 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191441535 | 06/05/1998 | CA TTHuế | 1.260 | | 1.260 | |
| 144 | Trần Khôi | 20/07/1980 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464258 | 17/04/2006 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 145 | Nguyễn Văn Thắng | 12/08/1981 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191463945 | 06/12/1997 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 146 | Huỳnh Ngọc Khoa | 26/03/1983 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191570569 | 13/06/2006 | CA TTHuế | 2.835 | | 2.835 | |
| 147 | Phan Cảnh Đức | 05/03/1977 | 63 Thanh Lam Bồ - Tây Lộc - Thành phố Huế | 191382136 | 04/09/1993 | CA TTHuế | 630 | | 630 | |
| 148 | Lê Huy | 17/11/1979 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191494070 | 16/06/1998 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 149 | Bùi Chư | 16/04/1968 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191036314 | 20/07/1984 | CA TTHuế | 2.415 | | 2.415 | |
| 150 | Đỗ Nguyễn Anh | 22/11/1988 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191617468 | 18/03/2003 | CA TTHuế | 1.260 | | 1.260 | |
| 151 | Nguyễn Hữu Hoài Như | 23/07/1993 | 59 Đặng Huy Trứ - Trường An - Thành phố Huế | 191806521 | 25/09/2008 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 152 | Nguyễn Cao Lâm | 01/01/1988 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191656033 | 25/05/2004 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 153 | Nguyễn Hữu Đạt | 23/10/1992 | 79 Trần Thái Tông - Thủy Xuân - Thành phố Huế | 191758117 | 03/04/2008 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 154 | Nguyễn Đắc Hùng | 15/02/1984 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520226 | 07/08/1999 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 155 | Lê Văn Quý | 28/02/1973 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191348236 | 22/04/2010 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 156 | Bùi Viết Phong | 02/04/1979 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 285062180 | 23/12/1999 | CA Bình Phước | 1.680 | | 1.680 |  |
| 157 | Phan Văn Tân | 18/03/1975 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191069810 | 20/06/1995 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |

| | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------|------------|--|-----------|------------|--------------|-------|--|-------|--|
| 158 | Nguyễn Cửu Cường | 02/02/1983 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191562053 | 19/09/2000 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 159 | Lê Phước Cảnh | 27/03/1983 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191562328 | 03/10/2000 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 160 | Bùi Ngọc Tài | 23/10/1985 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191571482 | 16/05/2001 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 161 | Đặng Văn Thức | 03/10/1985 | Điền Hòa - Phong Điền - Thừa Thiên Huế | 191595619 | 12/06/2002 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 162 | Đặng Công Hùng | 22/03/1983 | Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520792 | 21/09/1999 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 163 | Nguyễn Quang Vũ | 01/01/1984 | 208/4 Phan Chu Trinh - Phước Vĩnh - Thành phố Huế | 191565893 | 22/12/2000 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 164 | Nguyễn Thân | 23/06/1980 | Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191593122 | 15/03/2002 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 165 | Lê Quang Giàu | 02/07/1987 | Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191591132 | 15/10/2008 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 166 | Lê Hồng Phong | 04/07/1987 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191624088 | 19/06/2006 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 167 | Lê Thành Chung | 21/02/1980 | Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191438742 | 16/04/1996 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 168 | Nguyễn Quốc Cường | 20/06/1984 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191592324 | 06/03/2002 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 169 | Trần Văn Tám | 14/10/1981 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191441771 | 07/06/1996 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 170 | Võ Quốc Bình | 03/02/1987 | Thủy Lương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191891081 | 21/03/2002 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 171 | Lê Văn Tiến | 04/04/1985 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191534834 | 09/11/2000 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 172 | Trương Công Lệ | 29/10/1987 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191624062 | 23/04/2003 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 173 | Lê Kiêm | 08/10/1969 | Thủy Lương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191031347 | 05/03/1996 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 174 | Phạm Bá Cường | 19/05/1976 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 197006220 | 30/09/1990 | CA Quảng Trị | 1.785 | | 1.785 | |
| 175 | Nguyễn Văn Trung | 25/06/1972 | Thủy Phương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191231218 | 11/06/1991 | CA TTHuế | 2.100 | | 2.100 | |
| 176 | Nguyễn Quang Ngộ | 29/02/1978 | Phú Hiệp - Thành phố Huế | 191388227 | 29/05/1993 | CA TTHuế | 1.680 | | 1.680 | |
| 177 | Nguyễn Văn Nhật | 05/05/1981 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191438287 | 26/03/1996 | CA TTHuế | 1.680 | | 1.680 | |
| 178 | Nguyễn Chiến Thắng | 02/01/1980 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464542 | 12/07/1997 | CA TTHuế | 1.680 | | 1.680 | |
| 179 | Hoàng Xuân | 20/08/1975 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191348371 | 20/06/1991 | CA TTHuế | 1.680 | | 1.680 | |
| 180 | Phan Quốc Thành | 02/09/1987 | 101 Đào Duy Anh - Phú Bình - Thành phố Huế | 191590892 | 29/06/2010 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 181 | Trần Hữu Ân | 05/03/1969 | 36 Đặng Huy Trứ - Trường An - Thành phố Huế | 191079698 | 30/12/2002 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 182 | Nguyễn Thị Tố Trinh | 28/04/1984 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191570914 | 27/03/2001 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 183 | Trương Thị Vẹn | 23/05/1988 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191624128 | 25/04/2003 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 184 | Trương Thành Phúc | 06/06/1986 | Phú Đa - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 191559199 | 27/02/2002 | CA TTHuế | 525 | | 525 | |
| 185 | Nguyễn Hùng Hải | 19/03/1981 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464445 | 11/08/1997 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |

3300
CỔ
CỔ
CẢNG
AN M

| | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------|------------|---|-----------|------------|----------|-------|--|-------|--|
| 186 | Bạch Quốc Huy | 15/07/1981 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464323 | 08/05/2000 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 187 | Nguyễn Văn Ty | 04/04/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520117 | 26/08/1999 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 188 | Lê Phước Sỹ | 13/05/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486141 | 25/04/2005 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 189 | Vương Đình Tú | 02/09/1985 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191592363 | 04/04/2005 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 190 | Nguyễn Văn Hợi | 05/08/1983 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191511109 | 23/06/1999 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 191 | Võ Lương Quang | 01/12/1985 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191562108 | 20/09/2000 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 192 | Bùi Minh Thành | 01/08/1968 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191082067 | 23/02/2004 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 193 | Nguyễn Lâm | 23/08/1980 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191426701 | 01/06/2007 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 194 | Huỳnh Văn Sang | 26/06/1988 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191624115 | 24/04/2003 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 195 | Võ Văn Nho | 19/05/1982 | Phú Đa - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 191524100 | 07/10/2004 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 196 | Nguyễn Văn Lúa | 02/02/1978 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191305341 | 20/06/1992 | CA TTHuế | 525 | | 525 | |
| 197 | Nguyễn Thanh Thái | 30/7/1984 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191571512 | 19/05/2009 | CA TTHuế | 525 | | 525 | |
| 198 | Lê Minh Mẫn | 17/10/1989 | Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191734827 | 28/05/2007 | CA TTHuế | 525 | | 525 | |
| 199 | Trương Anh Quốc | 12/11/1987 | Vinh Mỹ - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191645458 | 28/07/2009 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 200 | Nguyễn Văn Cường | 16/03/1963 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 190368995 | 21/10/2010 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 201 | Đoàn Văn Phụng | 15/12/1978 | Phong Sơn - Phong Điền - Thừa Thiên Huế | 191650981 | 24/05/2004 | CA TTHuế | 1.365 | | 1.365 | |
| 202 | Trương Văn Anh Ngọc | 04/01/1967 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 190991413 | 22/09/1983 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 203 | Nguyễn Ngọc Quốc | 27/08/1979 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191426489 | 21/09/2001 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 204 | Huỳnh Ngọc Quý | 26/07/1979 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191507310 | 15/06/1999 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 205 | Trần Xuân Đạo | 13/10/1981 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464442 | 11/08/1997 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 206 | Trần Đình Thơ | 10/10/1970 | Quảng Thái - Quảng Điền - Thừa Thiên Huế | 191076195 | 26/09/2005 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 207 | Huỳnh Văn Thúc | 15/02/1981 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464538 | 13/08/1997 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 208 | Nguyễn Văn Cho | 10/07/1979 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191424672 | 19/03/2001 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 209 | Nguyễn Văn Xuân | 02/09/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486180 | 02/06/1998 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 210 | Bùi Nam | 25/08/1980 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191426459 | 06/05/1995 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 211 | Nguyễn Văn Tý | 01/09/1984 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191571511 | 19/05/2001 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 212 | Huỳnh Loan | 10/10/1977 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191305298 | 23/06/1992 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 213 | Nguyễn Văn Nam | 10/10/1962 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191778715 | 22/04/2008 | CA TTHuế | 630 | | 630 | |

1517

NG T
PHÂN
CHÂN

Y-LÂN

| | | | | | | | | | | |
|-----|-------------------|------------|--|-----------|------------|--------------|-------|--|-------|--|
| 214 | Trần Văn Việt | 10/12/1985 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191656998 | 09/07/2009 | CA TTHuế | 525 | | 525 | |
| 215 | Nguyễn Phụ | 01/08/1969 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191644671 | 02/02/2004 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 216 | Lê Văn Dũng | 01/05/1970 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191207945 | 20/06/1987 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 217 | Trần Văn Quyền | 12/07/1987 | Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191714872 | 04/05/2009 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 218 | Hoàng Văn Bản | 31/08/1990 | Quảng An - Quảng Điền - Thừa Thiên Huế | 191704051 | 05/10/2005 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 219 | Nguyễn Công Minh | 21/10/1988 | Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191695122 | 31/05/2010 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 220 | Hồ Văn Toàn | 10/08/1976 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191375840 | 20/10/1993 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 221 | Trần Bảo Quốc | 23/01/1984 | An Tân - Lộc Hải - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191571583 | 24/06/2002 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 222 | Nguyễn Thanh Việt | 20/02/1978 | Xuân Hòa - Hương Long - Thành phố Huế | 191399779 | 22/12/2003 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 223 | Nguyễn Ngọc Tuấn | 28/09/1974 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191375465 | 27/04/1993 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 224 | Hồ Trọng Long | 01/02/1984 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191562267 | 28/09/2000 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 225 | Trần Tấn Phòng | 01/01/1984 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191562280 | 29/09/2000 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 226 | Dương Quang Thiện | 23/11/1978 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191426421 | 05/07/1995 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 227 | Nguyễn Tấn Giàu | 10/09/1978 | Tây Lộc - Thành phố Huế | 191423252 | 11/12/1995 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 228 | Trần Đại Lộc | 15/03/1982 | Phú Mậu - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 191454352 | 19/03/1997 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 229 | Nguyễn Thành Văn | 10/08/1979 | Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191417500 | 12/08/1997 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 230 | Bùi Ngọc Thông | 12/02/1986 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191624294 | 02/05/2003 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 231 | Nguyễn Hữu Thảo | 00/00/1975 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191645984 | 11/12/1995 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| 232 | Đặng Chí Dũng | 28/11/1970 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191053980 | 29/03/1985 | CA TTHuế | 630 | | 630 | |
| 233 | Nguyễn Doãn Long | 16/04/1985 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191592360 | 03/08/2002 | CA TTHuế | 735 | | 735 | |
| 234 | Nguyễn Sơn | 01/01/1987 | Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191639079 | 18/04/2005 | CA TTHuế | 525 | | 525 | |
| 235 | Trần Đình Ngân | 09/01/1983 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486225 | 03/06/1998 | CA TTHuế | 420 | | 420 | |
| 236 | Nguyễn Phúc | 15/01/1980 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191426437 | 25/02/2002 | CA TTHuế | 1.050 | | 1.050 | |
| 237 | Lê Dũng | 12/11/1974 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191348202 | 29/11/1999 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 238 | Dương Quang Thịnh | 27/04/1981 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464116 | 19/01/2000 | CA TTHuế | 525 | | 525 | |
| 239 | Nguyễn Thành Trí | 12/07/1990 | Thủy Phú - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191681110 | 06/05/2005 | CA TTHuế | 315 | | 315 | |
| 240 | Bùi Văn Tĩnh | 19/3/1990 | 36 tổ 10 phường Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191681413 | 11/08/2005 | CA TTHuế | 210 | | 210 | |
| 241 | Nguyễn Khương | 10/04/1960 | 3/109 Nguyễn Huệ - Phú Nhuận - Thành phố Huế | 30634060 | 28/05/1980 | CA Hải Phòng | 3.465 | | 3.465 | |

Y C.7
N
MAY
G C.7

| | | | | | | | | | | |
|--------------|-------------------|------------|--|-----------|------------|------------|----------------|-------------------|-------------------|--|
| 242 | Trần Ngọc Quỳnh | 24/11/1968 | 21/13 An Dương Vương - An Cựu - Thành phố Huế | 191018081 | 07/11/1995 | CA TTHuế | 2.205 | | 2.205 | |
| 243 | Nguyễn Hữu Đạo | 06/10/1982 | 69 Điện Biên Phủ - Trường An - Thành phố Huế | 111759560 | 09/11/2000 | CA Hà Tây | 2.310 | | 2.310 | |
| 244 | Nguyễn Tiến Việt | 10/08/1978 | 1/108 Nhật Lệ - Thuận Lộc - Thành phố Huế | 183274240 | 15/03/1999 | CA Hà Tĩnh | 840 | | 840 | |
| 245 | Ngô Ánh | 20/10/1967 | Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191097692 | 02/10/2003 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 246 | Nguyễn Duy Quý | 24/08/1979 | Phú Lương - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 191409521 | 07/10/1994 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 247 | Bùi Xuân Thế | 10/05/1982 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191486142 | 01/06/1998 | CA TTHuế | 1.575 | | 1.575 | |
| 248 | Nguyễn Văn Quá | 10/10/1981 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191464517 | 12/08/1997 | CA TTHuế | 945 | | 945 | |
| 249 | Võ Hạnh | 19/10/1965 | Phú Đa - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 190982854 | 11/10/1983 | CA TTHuế | 5.250 | | 5.250 | |
| 250 | Phan Bằng Tường | 10/08/1975 | Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế | 191304230 | 16/09/1994 | CA TTHuế | 6.510 | | 6.510 | |
| 251 | Nguyễn Viết Hùng | 28/10/1966 | 11/100 Lý Thái Tổ - An Hòa - Thành phố Huế | 190890835 | 21/08/1981 | CA TTHuế | 1.575 | | 1.575 | |
| 252 | Đặng Văn Đức | 15/03/1981 | 135 Tôn Quang Kiệt - An Đông - Thành phố Huế | 191453948 | 10/09/2001 | CA TTHuế | 2.625 | | 2.625 | |
| 253 | Bùi Văn Trường | 30/04/1983 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191723806 | 18/07/2006 | CA TTHuế | 3.045 | | 3.045 | |
| 254 | Trương Công Khâm | 20/09/1983 | Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191520148 | 21/07/2003 | CA TTHuế | 3.045 | | 3.045 | |
| 255 | Trương Minh Sơn | 09/08/1983 | Lộc Trì - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191514821 | 16/08/1999 | CA TTHuế | 3.045 | | 3.045 | |
| 256 | Nguyễn Thanh Long | 05/06/1981 | Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế | 191438254 | 27/07/2009 | CA TTHuế | 1.470 | | 1.470 | |
| 257 | Nguyễn Văn Pho | 09/06/1983 | Vinh Phú - Phú Vang - Thừa Thiên Huế | 191493899 | 03/03/1999 | CA TTHuế | 840 | | 840 | |
| Tổng: | | | | | | | 345.240 | 32.060.175 | 32.405.415 | |

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỘNG ĐỒNG



Hoàng Trung Chính

Tp Huế, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Trương Quang Việt



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU THAM KHẢO

Đông Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

1. NGƯỜI ỦY QUYỀN

Tên cá nhân/Tổ chức: HOANG SON
Số CCCD: 045056003926 Ngày cấp: 27/12/2021 Nơi cấp:
(CMND: 272224332 Ngày cấp 07/04/2008)
Địa chỉ thường trú/Trụ sở: 23A10 KDC AN BÌNH - BIÊN HOA - ĐÔNG NAI
Hiện đang sở hữu số cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây (CMP) là:
15750 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần).

2. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Tên cá nhân/Tổ chức: NGUYỄN BÁ AN
Số CCCD/ĐKDN: 04608403363 Ngày cấp: 14/11/2022 Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết và bầu cử tất cả những vấn đề tại Đại hội với
15750 cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

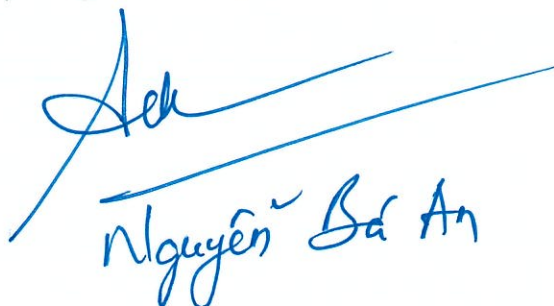
Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 09/4/2026 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

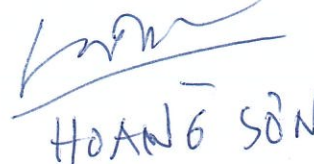
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Bá An

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)


HOANG SON